

AN NINH NGUỒN NƯỚC - VẤN ĐỀ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG (kỳ 1)

PHẠM THÀNH DUNG *

Trong lịch sử tiến hóa của nhân loại, nước luôn là một trong những nguồn tài nguyên vô giá, cực kỳ quan trọng quyết định sự tồn vong và phát triển của nhân loại. Nước đóng vai trò thiết yếu trong quá trình sản xuất, tái sản xuất ra giá trị hàng hóa, từ thực phẩm thiết yếu đến sản phẩm công nghệ hiện đại (điện năng, lọc dầu, khí đốt...). Không có nguồn nước không có sự sống, không có nền văn minh nhân loại. Trên thế giới 97% nước là nước mặn, 3% là nước ngọt, song 2/3 lượng nước này tồn tại trong dạng sông băng và núi băng ở các Cực, phần còn lại rất nhỏ tồn tại dạng nước ngầm, trên mặt đất và trong không khí.

Trong lịch sử chiến tranh thế giới, đã có nhiều cuộc chiến tranh xung đột lớn có liên quan đến bảo vệ, tranh giành nguồn nước như: tranh chấp lưu vực sông Jordan; lưu vực sông Tigris và Euphrates; lưu vực sông Nile; Indus, lưu vực sông Hằng, sông Mê Kông... Mặc dù cuộc đấu tranh, xung đột về nguồn nước có thể diễn ra dưới hình thức, màu sắc nào. Dù dưới góc độ tiếp cận nào đi chăng nữa, chúng ta thấy rằng khủng hoảng tài nguyên nước, đã và đang là vấn đề nóng bỏng, đe dọa tới sự tồn vong, phát triển bền vững của loài người.

Trong thư nhân Ngày nước thế giới (21/3/2014) LHQ đưa ra những cảnh báo đáng lo ngại về nguồn nước sạch trên toàn cầu. Đó là hàng ngày có hàng triệu người phải đi nhiều giờ đồng hồ mới đến được nơi có nước an toàn, nước

sạch. Cụ thể là 768 triệu người không được sử dụng nước sạch, có nghĩa là cứ 1 người trong 10 người trên thế giới không thể tiếp cận được nước sạch. Mỗi năm có 700 ngàn trẻ em chết vì bệnh tiêu chảy do sử dụng nước bẩn, bình quân mỗi ngày có 2.000 trẻ em qua đời vì thiếu nước sạch và vệ sinh. Liên Hợp quốc cũng cảnh báo rằng do dân số tăng, phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển khiến nhu cầu sử dụng nước sạch và năng lượng tăng lên gấp đôi vào những thập niên tới. Bên cạnh đó, xu hướng thay đổi cách sống và sinh hoạt cũng đe dọa, áp lực tới nguồn tài nguyên nước và sinh thái. Liên Hợp quốc cũng chỉ ra rằng 20% tầng ngầm nước của trái đất đang bị cạn kiệt. Đến năm 2050 nhu cầu nước của toàn thế giới tăng lên khoảng 55%, đi theo đó là 40% dân cư trái đất sẽ sống trong tình trạng khan hiếm, căng thẳng về nguồn nước. Ngày nay tình trạng thiếu hụt nguồn nước đã ảnh hưởng tới 2/5 nhân loại, theo dự đoán rất có thể đến năm 2025 tình trạng này sẽ tác động đến 2/3 dân số trên thế giới.

Cuộc khủng hoảng về nước xuất hiện cầu vượt quá cung, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, dưới nhiều góc độ kinh tế - xã hội...

Trước hết, nhu cầu về nước phục vụ phát triển kinh tế thực hiện CNH, HĐH đất nước. Khu vực châu Á, châu Á - Thái Bình Dương đã và đang là khu vực phát triển năng động của thế giới. Trong đó có các quốc gia, các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Xingapo... tốc độ phát triển kinh tế tương đối cao, nhu cầu sử dụng nguồn nước cho phát triển công nghiệp ngày

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

càng lớn. Bên cạnh đó, các nước trong khu vực đã và đang tiến hành công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế bền vững. Trong tiến trình công nghiệp hóa, vấn đề năng lượng được ưu tiên phát triển, đi trước một bước được diễn ra ở nhiều quốc gia. Trong đó, công nghiệp khai thác than, quặng, dầu khí và đặc biệt khai thác nguồn thủy điện tác động và ảnh hưởng nhiều đến nguồn nước.

Xây dựng đập nước thủy điện đem lại lợi ích to lớn về năng lượng, điều tiết lưu lượng nước, khống chế hạn hán, lũ lụt, song cũng để lại những hệ lụy vô cùng lớn như thay đổi chế độ thủy văn dòng sông, bồi đắp trầm tích, thực vật ven sông, môi trường, biến đổi khí hậu... không chỉ giữa các vùng, miền trong nội bộ quốc gia mà đe dọa nghiêm trọng đến các vùng hạ lưu sông, đã và đang gây nên hệ lụy, gia tăng tranh chấp căng thẳng về nguồn nước, đe dọa an ninh ổn định khu vực.

Thứ hai, áp lực sự gia tăng dân số trên thế giới nói chung, châu Á nói riêng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng... không chỉ áp lực về nguồn nước sinh hoạt. Gia tăng dân số đòi hỏi phát triển, tăng trưởng đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập, giảm đói nghèo, đảm bảo nhu cầu lương thực, thực phẩm, năng lượng, giáo dục, y tế, sức khỏe... đáp ứng những nhu cầu đầy đủ của con người cũng đòi hỏi nhu cầu về nước. Dân số tăng nhanh không chỉ tạo áp lực về cung cấp nguồn nước sinh hoạt mà còn là đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ... cũng như nhu cầu tiêu thụ của các hộ gia đình, tầng lớp trung lưu tăng lên, nhu cầu vật chất và tinh thần của công dân có xu hướng ngày càng cao. Đối với châu Á lượng nước bình quân của châu Á hàng năm trên thực tế giảm xuống 1,6% mỗi năm. Khu vực Trung Á, Nam Á, Tây Nam Á và Tây Á, phía Bắc Trung Quốc, vùng Cận Đông, bán đảo Ả Rập... là những vùng có sự suy giảm nghiêm trọng về nguồn nước, hạn hán kéo dài ảnh hưởng trầm trọng đến đời sống cộng đồng dân cư. Các thành phố lớn ở châu Á, phụ thuộc nhiều vào

nguồn nước ngầm cũng giảm xuống tới mức nguy hiểm như: Suxá của Yemen, Quatta ở Pakistan, Bắc Kinh... đang phải đối mặt với sự khan hiếm nguồn nước. Trong quá trình phát triển, các quốc gia có thể nhập khẩu nhiều thứ: nguyên nhiên vật liệu, thiết bị kỹ thuật, lương thực thực phẩm... nhưng đối với nước, nhất là nước ngọt phục vụ đời sống thì chủ yếu phải tự xoay sở với nguồn tài nguyên nước của quốc gia mình. Do vậy, nguồn nước bị khai thác thời kỳ cao điểm để đáp ứng nhu cầu vượt quá 25% tổng nguồn nước có thể tái tạo (Ấn Độ là 34%, Hàn Quốc 26%, 18,57% ở Trung Quốc, Nhật là 21,26%). Trong báo cáo theo chỉ số nước sẵn có cho phát triển năm 2009 của Ủy ban Kinh tế xã hội của Liên Hợp quốc ở châu Á - Thái Bình Dương (UNESCAP) thì trữ lượng nước giảm mạnh kể từ năm 1950 ở một số nước châu Á, trong đó đặc biệt Trung Quốc và Ấn Độ (chiếm 2/5 dân số toàn cầu). Báo cáo nhận định: "Sự thiếu hụt nguồn nước ở mức độ này dẫn đến tình trạng tranh giành nguồn tài nguyên quý giá đang nổi lên như mối đe dọa lớn từ ổn định trật tự xã hội". Mặc dù dân số châu Á có xu hướng giảm, song châu lục đông dân, mức sống vật chất và tinh thần được nâng lên, thể hiện rõ nhất là lượng tiêu thụ thực phẩm thịt tăng cao trong chế độ ăn uống, đi liền với nó là lượng nước tiêu thụ tăng lên do sản xuất thịt cần rất nhiều nước. Trung Quốc một quốc gia đông dân nhất thế giới, từ năm 1980 đến năm 2010 lượng tiêu thụ thịt tăng gấp 4 lần, xếp thứ 3 trên thế giới, dự kiến tăng lên gấp đôi đến 2030. Sự thay đổi chế độ, cơ cấu bữa ăn từ chủ yếu gạo, mì sang chế độ ăn nhiều thịt hơn khiến cho lượng nước tiêu thụ trong sản xuất thực phẩm tăng gấp đôi kể từ năm 1985 (lượng nước tiêu thụ cho sản xuất 1kg thịt bò gấp 10 lần lượng nước tiêu thụ cho sản xuất 1kg gạo hay bột mì).

Cùng với sức ép gia tăng, bùng nổ dân số kéo theo nhu cầu về phát triển nông nghiệp, cung ứng lương thực, thực phẩm đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Do vậy, chú trọng phát triển nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực

cũng là một trong định hướng phát triển của nhiều quốc gia, nhất là những nước có lượng dân số đông. Châu Á là châu lục có diện tích tưới tiêu lớn nhất thế giới, chiếm 70% diện tích đất được tưới tiêu trên toàn cầu. Trong đó Nam Á, Trung Quốc và Đông Nam Á chiếm 50% diện tích tưới tiêu trên toàn cầu. Châu Á cũng đứng đầu thế giới về lượng nước dùng tưới tiêu trong nông nghiệp (74%). Trong quá trình phát triển nông nghiệp đáp ứng nhu cầu sức ép tăng dân số, cùng với quá trình quản lý sử dụng nước trong nông nghiệp lãng phí, kém hiệu quả, là tình trạng quảng canh, phá rừng lấy đất làm nông nghiệp dẫn đến tình trạng nguồn tài nguyên rừng, mức độ phủ xanh suy giảm, xói mòn, sa mạc hóa, mức độ lưu trữ nguồn nước suy giảm. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm nguồn nước gia tăng ở hầu hết các sông ngòi, hồ ở các nước do chất thải trong sản xuất, tiêu dùng, hiệu ứng nhà kính, lỗ thủng tầng ôzôn, mưa axit... trong khi đó, lượng nước tái tạo ngày càng suy giảm.

Như vậy, khủng hoảng nguồn nước, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dưới nhiều góc độ khác nhau kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng trong quá trình phát triển của nhân loại. Trong thế giới hiện đại, chúng ta càng nhận thức rõ hơn mối tương tác giữa con người với nhau, giữa con người với tự nhiên trong hệ thống chính thể. An ninh con người, quyền con người, An ninh lương thực, An ninh năng lượng, An ninh môi trường, An ninh nguồn nước... phải được nhận thức mang tính hệ thống, mang tầm quốc gia và toàn cầu. Phát triển kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp...) thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người, trong đó có nhu cầu về năng lượng, lương thực thực phẩm cần phải xem xét tới An ninh nguồn nước, An ninh môi trường và ngược lại.

Khủng hoảng về tài nguyên nước tác động toàn diện mọi hoạt động của quốc gia, khu vực và ngày càng mang tính toàn cầu. Điều đó sẽ gây ra những hệ lụy, đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn vong của các quốc gia, khu vực, đã và đang tạo ra thách thức về an ninh, trong đó có An ninh

nguồn nước.

Thứ nhất, sự cạnh tranh về nguồn nước đã và đang diễn ra trong nội bộ cũng như giữa các quốc gia, trong đó nguy cơ xung đột ở Châu Á diễn ra với mức độ cao hơn so với các khu vực khác trên thế giới. Tranh giành nguồn nước có thể nói đây là một đấu trường mới. Nước từ những con sông, mạch nước ngầm, hồ chứa nhất là hồ chứa thủy điện xuyên quốc gia có tác động, gây hệ lụy tới các quốc gia xung quanh, đặc biệt với các quốc gia hạ nguồn yếu thế hơn quốc gia đầu nguồn trong việc sở hữu, kiểm soát và chủ động điều tiết, sử dụng nguồn nước. Việc sở hữu, kiểm soát, chủ động sử dụng nguồn nước được coi là lợi ích, lợi thế quan trọng đối với quốc gia. Trong nội bộ quốc gia cũng vậy đầu nguồn nước (sông, hồ, đập...) cũng chiếm ưu thế hơn các khu vực, vùng dưới hạ nguồn nước. Việc quản lý, sử dụng nguồn nước không hợp lý để lại hậu quả đối với các nước, các vùng khác nhau nảy sinh mâu thuẫn, xung đột về lợi ích, tiềm ẩn, bùng phát những hệ lụy mới. Trên thực tế, tranh giành nguồn nước đã và đang trở thành mục tiêu của các quốc gia, có thể diễn ra mang màu sắc, lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, an ninh quốc phòng như: Dự án 4 dòng sông (Four River) gây chia rẽ chính trị ở Hàn Quốc, hệ thống đập mà Trung Quốc đã và đang xây dựng trên thượng nguồn sông Mê Kông đã và đang gây hệ lụy xấu cho các quốc gia hạ lưu (Việt Nam, Campuchia và Lào), xung đột về nước giữa Trung Quốc với Ấn Độ, Pakistan, giữa các quốc gia vùng Trung Á, giữa Israel và Palestine...

Thứ hai, hiện tượng tranh chấp nguồn nước trong nội bộ quốc gia đã lan rộng ra khu vực. Sự phân bố nguồn nước không đồng đều giữa các vùng trong nội bộ một quốc gia gây nên tình trạng thừa, thiếu, mất cân đối giữa các vùng gây nên hạn hán, lũ lụt đều để lại hậu quả nghiêm trọng về kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, các dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đều có liên quan đến nguồn tài nguyên nước, coi đây là lợi thế so sánh của vùng, miền. Cùng với đó hình thành

khoảng cách chênh lệch về sự phát triển giữa các vùng, miền do thiên thời địa lợi, trong đó có nguồn nước. Quản lý và sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp (Nhà máy, thủy điện, khu công nghiệp...) và sinh hoạt không hợp lý, kém hiệu quả gây lãng phí. Xung đột về lợi ích, hệ lụy về môi trường, khí hậu, giữa các cộng đồng dân cư trong một vùng cũng như giữa các vùng, các khu

vực với nhau. Các quốc gia có nền văn hóa đa sắc tộc, đa tôn giáo, vấn đề khan hiếm nguồn nước càng trở nên phức tạp hơn nhiều. Tranh chấp nguồn nước mang màu sắc tôn giáo, sắc tộc giữa các cộng đồng người trong nội bộ Yemen và Apganixtan cho thấy vấn đề càng trở nên phức tạp, khó lường và có nguy cơ bùng phát xung đột chính trị, vũ trang, nội chiến. (xem tiếp kỳ 2)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HOÁ CHÍNH TRỊ... (tiếp trang 21)

Thứ ba, hoàn thiện thể chế pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

- Những giải pháp đề xuất:

Để thực hiện được những định hướng nêu trên trong việc xây dựng văn hóa chính trị, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Bắt đầu từ gia đình, các bậc phụ huynh phải dạy con cái mình những phẩm chất của một công dân tốt, đó là sự trung thực, trách nhiệm với bản thân và cộng đồng; tôn trọng các quy tắc và luật lệ chung của xã hội; bảo vệ lẽ phải, phê phán cái sai, giàu lòng vị tha và tinh thần khoan dung.

Cần đổi mới nội dung và hình thức giáo dục công dân nhằm xây dựng một thế hệ công dân hướng tới chân - thiện - mỹ. Kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết với các hình thức đóng vai, học ngoại khóa... nhằm nâng cao sự hiểu biết của học sinh về đời sống chính trị, giúp họ hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ, về trách nhiệm của bản thân với tư cách là một công dân. Từ đó, chuẩn bị các điều kiện cho người học tham gia vào đời sống chính trị của đất nước.

Khuyến khích các hình thức liên kết cộng đồng để tạo ra các diễn đàn, sân chơi giúp người dân chia sẻ và truyền bá các giá trị xã hội, trong đó có các giá trị chính trị như: sự tin tưởng, mức độ sẵn lòng hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các cá nhân và trách nhiệm xã hội. Đây cũng chính là giải pháp để xây dựng vốn xã hội, tạo cơ sở cho sự phát triển về dài hạn.

Để làm cho văn hóa, trong đó có văn hóa chính trị, thấm sâu vào đời sống người dân, trước hết phải chú trọng xây dựng văn hóa chính trị từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và các tổ chức đoàn thể, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức có phẩm chất đạo đức, hết lòng phục vụ nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức.⁽⁴⁾

Xây dựng các thể chế của nhà nước pháp quyền, trong đó nhấn mạnh tinh thần tôn trọng pháp luật; công khai, minh bạch trong các hoạt động của bộ máy nhà nước; kiểm soát tình trạng tham nhũng, lạm quyền; tôn trọng và thực hành các giá trị dân chủ, tạo điều kiện cho người dân phát huy tối đa năng lực sáng tạo của bản thân.

Có thể nói, xây dựng một nền văn hoá chính trị, về thực chất, chính là việc nâng nền dân chủ của đất nước lên một cấp độ mới - cấp độ văn hoá. Để có một nền văn hoá chính trị chuẩn mực, như mong đợi, cần có sự nghiên cứu nghiêm túc, đầy đủ với những định hướng dài hạn. Bởi vì cũng như văn hoá, văn hoá chính trị là một quá trình thẩm thấu dần dần các giá trị, các niềm tin, và để định hình nó có thể phải mất một thời gian dài. ☐